

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 16/8/2018
“V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Huỳnh Tố Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Ái Nguyên

Ông Danh Hường

Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Văn Cung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Vũ Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 27/2018/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2018 về việc *“Tranh chấp ly hôn và nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1979;

Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1976;

Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Chị L có mặt, anh T vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện ngày 21/02/2018 (nộp cho Tòa án ngày 22/02/2018) và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:**

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T cưới nhau năm 2003, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và được UBND xã P thị xã G cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Quá trình sống chung chị và anh T bất đồng quan điểm, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên chị và anh T ly thân với nhau. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 29/10/2000 và cháu Nguyễn Nhựt H, sinh ngày 16/5/2005, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên không làm việc được với anh T.**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long trình bày quan điểm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do là vi phạm khoản 15, 16 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị L và anh T có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, như vậy hôn nhân giữa hai người là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị L xác định trong thời gian sống chung vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên cự cãi dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt và hiện tại đã ly thân với nhau nên nay chị yêu cầu ly hôn với anh T. Trong quá trình giải quyết vụ án anh T có nhận được văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng không đến Tòa án theo giấy triệu tập, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị L. Từ đó cho thấy anh T không có thiện chí hàn gắn lại mối quan hệ hôn nhân với chị L. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L về việc yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Duy Kh, sinh ngày 29/10/2000 và cháu Nguyễn Nhựt H, sinh ngày 16/5/2005 cho chị L được tiếp tục chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; sau khi nghe ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị L yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T, anh T có địa chỉ tại ấp C, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phước Long theo quy định tại Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên việc xét xử vắng mặt anh T là phù hợp với Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị L xác định chị và anh T cưới nhau năm 2003, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó hôn nhân của chị L và anh T là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình sống chung vợ chồng chị và anh T bất đồng quan điểm, cuộc sống không hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn với anh T, về phía anh T đã được Tòa án thông báo về việc chị L khởi kiện cũng như đã được Tòa án triệu tập làm việc nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, anh T biết được chị L yêu cầu ly hôn nhưng anh không có thiện chí hàn gắn lại hôn nhân với chị L. Từ đó cho thấy hôn nhân giữa chị L và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị L về việc yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

[3] *Về con chung*: Khi ly hôn chị Nguyễn Thị L có yêu cầu nuôi con chung là cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 29/10/2000 và cháu Nguyễn Nhựt H, sinh ngày 16/5/2005, hiện tại hai người con đang sống chung với chị L. Xét thấy để đảm bảo điều kiện chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cũng như nguyện vọng của cháu K và cháu H nên Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 29/10/2000 và cháu Nguyễn Nhựt H, sinh ngày 16/5/2005 cho chị L được tiếp tục chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị L không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Xét đề nghị của kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000đ, chị L đã dự nộp 300.000đ tại biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011520 ngày 22/02/2018 nên được chuyển thu án phí. Anh T không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn T.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 29/10/2000 và cháu Nguyễn Nhựt H, sinh ngày 16/5/2005 cho chị L được tiếp tục chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000đ, chị L đã dự nộp 300.000đ tại biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011520 ngày 22/02/2018 nên được chuyển thu án phí. Anh T không phải nộp án phí.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự T người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng T thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hồ Huỳnh Tố Hiền

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Ái Nguyên Danh Hưởng

Hồ Huỳnh Tố Hiền